

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 63/2024/DS-PT

Ngày 28/02/2024

V/v “Tranh chấp thừa kế tài sản,
hủy quyết định cá biệt, đòi tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 499/2023/DSPT ngày 31 tháng 8 năm 2023, về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản, hủy quyết định cá biệt, đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 960/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 206/2024/QĐPT-DS, ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Minh Q, sinh năm 1940 (chết ngày 09/12/2023); cư trú: Số 244 đường Bến Vân Đ, Phường 5, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Q:

- Bà Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1939; cư trú: 205/39/60 Trần Văn Đ, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Th: Ông Lâm Minh T, sinh năm 1964; cư trú: 370/33/14A Lạc Long Q, Phường 09, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí

Minh là người đại diện theo ủy quyền; Hợp đồng ủy quyền ngày 26/02/2024; có mặt.

- Ông Lâm Minh T, sinh năm 1964; cư trú: 370/33/14A Lạc Long Q, Phường 09, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh và 372/17 Cách Mạng Tháng T, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Ông Nguyễn Văn Kh là Luật sư của Văn phòng luật sư Văn Kh thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bà Lâm Ngọc Th, sinh năm 1970; cư trú: 860/28 Huỳnh Tấn Ph, khu phố 3, phường Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Th: Bà Nguyễn Kiều G, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1984; địa chỉ: D23, CXVH, bến Vân Đ, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền; Giấy ủy quyền ngày 20/02/2024; có mặt.

- Ông Lâm Minh Q, sinh năm 1971; cư trú: 372/17 Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Quỳnh: Ông Trịnh Anh Z, sinh năm 1998; cư trú: TDP Thanh Hưng, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- Bà Lâm Ngọc A, sinh năm 1979; cư trú: 224 Bến Vân Đ, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Anh: Ông Vũ Văn L là Luật sư của Công ty Luật TNHH Hòa L - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; cư trú: Số 120 đường Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; cư trú: Số 124 đường Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông H, bà L: Ông Võ Hòa Nh, sinh năm 1986; cư trú: 116A Ngô Q, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền; Giấy ủy quyền ngày 07/12/2020; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Huỳnh Thị Phương Ng là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lâm Thị Ngọc B, sinh năm 1942; cư trú: 1533 Hunter Road, Fairfield, Ohio, OH 45014, USA; vắng mặt.

2. Bà Lâm Thị Ngọc L (Lan Law), sinh năm 1956; cư trú: 8780 Spooky Holow Road, Cincinnati, Ohio, OH 45242, USA; vắng mặt.

3. Ông Lâm Minh Á (An Minh L), sinh năm 1960; cư trú: 85 Bateman CT, Spring Boro, Ohio, OH 45066, USA; vắng mặt.

4. Ông Lâm Minh Ch, sinh năm 1945; cư trú: 244 Bến Vân Đồn, Phường 5, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Bích, bà L, ông Á, ông Ch: Ông Lâm Minh H (Lam M Paul), sinh năm 1951 là người đại diện theo ủy quyền; Giấy ủy quyền của bà B, bà L, ông Á được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 12/3/2015; của ông Chiêu ngày 16/4/2018; có mặt.

5. Ông Lâm Minh H (Lam M Paul), sinh năm 1951; cư trú: 9501 Bainsbrook, Cincinnati, Ohio, OH 45249, USA; trú tại: 207/22 Trần Bình Tr, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các ông bà B, L, Á, Ch, H: Ông Phạm Quang B - Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Quang B, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 27, Đường 8, khu phố 4, phường An Ph, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

6. Ông Lâm Minh D, sinh năm 1949; cư trú: 10319 White Clover Drive, Houston, Texas, TX 7708, USA; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Diệu: Ông Cao Minh Tr, sinh năm 1970; cư trú: 273 khóm Sa Nh, phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền; Giấy ủy quyền ngày 09/6/2015; có mặt.

7. Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1976; vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 2004; vắng mặt.

9. Trẻ Nguyễn Ngọc Thanh Tr, sinh ngày 12/9/2009

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Trúc: Ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Thanh H (ông H có mặt). Cùng địa chỉ: Số 120 đường Đặng Văn B, phường Bình T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Võ Hòa Nh, sinh năm 1986; cư trú: 116A Ngô Quyền, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền; Giấy ủy quyền ngày 07/12/2020; có mặt.

10. Bà Lâm Thị B, sinh năm 1937 (chết ngày 21/7/2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B:

- Ông Lâm Văn H, sinh năm 1969;

- Ông Lâm Văn Á, sinh năm 1972;

- Ông Lâm Văn D, sinh năm 1971;

- Bà Lâm Thị D, sinh năm 1960;
- Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1959;
- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1974;
- Ông Phạm Thành Đ, sinh năm 1963;
- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1977;
- Ông Phạm Văn D, sinh năm 1977;
- Ông Phạm Tín Ng, sinh năm 1979;

Cùng cư trú tại: 120A Đặng Văn B, phường Bình T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Á, bà H, ông Đ, ông T, ông D: Ông Trần Trung K, sinh năm 1991; cư trú: B10/191 Tổ 10, Ấp 2, xã Tân N, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền; Giấy ủy quyền ngày 11/12/2023; có mặt.

11. Ông Lâm Văn H, sinh năm 1969; vắng mặt.
12. Ông Lâm Văn Á, sinh năm 1972; vắng mặt.
13. Ông Lâm Văn D, sinh năm 1971; vắng mặt.
14. Bà Lại Thị Thanh Th, sinh năm 1973; vắng mặt.
15. Trẻ Lâm Hoàng Hoa Kỳ T, sinh năm 2009.
16. Trẻ Lâm Hoàng Thanh M, sinh năm 2011.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ T, M: Ông Lâm Văn D, bà Lại Thị Thanh Th; vắng mặt.

17. Ông Phạm Tín Ng, sinh năm 1979; vắng mặt.
18. Bà Phan Hồng Kim Th, sinh năm 1981; vắng mặt.
19. Bà Phạm Hồng Thanh N, sinh năm 2003; vắng mặt.
20. Trẻ Phạm Hồng Thanh Ng, sinh năm 2010

Người đại diện của trẻ Ng: Ông Phạm Tín Ng, bà Phan Hồng Kim Th; vắng mặt.

21. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1974; vắng mặt.
22. Bà Lâm Thị D, sinh năm 1960; vắng mặt.
23. Bà Phạm Thị Ngọc Q, sinh năm 2003; vắng mặt.
24. Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1959; vắng mặt.
25. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1974; vắng mặt.
26. Ông Phạm Thành Đ, sinh năm 1963; vắng mặt.
27. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1977; vắng mặt.
28. Ông Trần Lâm Nhật H, sinh năm 1992; vắng mặt.

29. Bà Võ Thị N, sinh năm 1972; vắng mặt.
30. Ông Lâm Võ Nhựt M, sinh năm 1999; vắng mặt.
31. Bà Lâm Võ Minh T, sinh năm 2002; vắng mặt.
32. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1980; vắng mặt.
33. Ông Lâm Nguyễn Hoàng Ng, sinh năm 1999; vắng mặt.
34. Ông Phạm Tiến D, sinh năm 1997; vắng mặt.
35. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1977; vắng mặt.
36. Bà Cao Thị Ngọc Th, sinh năm 1979; vắng mặt.
37. Trẻ Phạm Hoàng Minh Q, sinh năm 2006.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Q: Ông Phạm Văn D, bà Cao Thị Ngọc Th; vắng mặt.

38. Bà Trần Lâm Thảo H, sinh năm 1988; vắng mặt.
39. Bà Trần Lâm Hoàng C, sinh năm 1990; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 120A Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của các ông, bà Nh, H, Ng: Ông Trần Trung K, sinh năm 1991; cư trú: B10/191 Tổ 10, Ấp 2, xã Tân Nh, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền; Hợp đồng ủy quyền ngày 29/12/2022; có mặt.

40. Bà Lê Thị Ch, sinh năm 1951 (chết ngày 13/12/2020).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ch: Ông Đinh Trần Th, ông Đinh Trần Lê Ph, ông Đinh Trần Lê Ph.

41. Ông Đinh Trần Th, sinh năm 1953; vắng mặt.
42. Ông Đinh Trần Lê Ph, sinh năm 1980; vắng mặt.
43. Bà Lâm Diễm H, sinh năm 1980; vắng mặt.
44. Trẻ Đinh Hồng Ph, sinh ngày 02/4/2007.
45. Trẻ Đinh Thành H, sinh ngày 16/11/2015.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Ph, trẻ H: Ông Đinh Trần Lê Ph, bà Lâm Diễm H; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 122 đường Đặng Văn B, phường Bình T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

46. Ông Đinh Trần Lê P, sinh năm 1975; có mặt.
47. Bà Phạm Thị Hương Đ, sinh năm 1976; vắng mặt.
48. Bà Đinh Đặng Hồng Ân, sinh năm 2003; vắng mặt.
49. Bà Đinh Thiện Hồng Ph, sinh năm 2001; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 71 Tân H, phường Hiệp P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của các ông, bà Th, Ph, H, Đ: Ông Đinh Trần Lê Ph là người đại diện theo ủy quyền; Giấy ủy quyền của ông Th, ông Ph ngày 11/01/2021; của bà Đ, bà H ngày 16/01/2021; có mặt.

50. Bà Trần U, sinh năm 1947; vắng mặt.

51. Bà Lưu Bích L, sinh năm 1975; có mặt.

52. Bà Lưu Hồng Ph, sinh năm 1977; vắng mặt.

53. Ông Lưu Vinh Ph, sinh năm 1979; vắng mặt.

54. Bà Lưu Quế T, sinh năm 1984; có mặt.

55. Bà Nguyễn Kim Th, sinh năm 1979; vắng mặt.

56. Trẻ Lưu Bảo N, sinh năm 2013.

57. Trẻ Lưu Kiên L, sinh năm 2020.

58. Trẻ Lưu Bảo Ng, sinh năm 2020.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Ng, L, N: Ông Lưu Vinh Ph, bà Nguyễn Kim Th; vắng mặt.

59. Bà Lê Hải Lam Đ sinh năm 2000; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ: Bà Lưu Quế T, sinh năm 1984; có mặt.

60. Bà Lưu Phước H, sinh năm 1981; vắng mặt.

61. Trẻ Nguyễn Hồng Q, sinh năm 2009.

62. Trẻ Nguyễn Hồng H, sinh năm 2007.

63. Trẻ Nguyễn Minh Ch, sinh năm 2011.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Q, H, Ch: Bà Lưu Phước H, sinh năm 1981; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 126 đường Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

64. Ông Lê Văn T, sinh năm 1960; vắng mặt.

65. Bà Lưu Bích V, sinh năm 1971; vắng mặt.

66. Ông Lê Hải Tr, sinh năm 1995; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 72/6/7 đường Làng Tăng P, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của các ông, bà Trần U, Nguyễn Kim T, Lưu Quế Th, Lưu Vinh P, Lê Văn T, Lê Hải Tr, Lưu Bích V, Lưu Phước H, Lưu Hồng Ph: Bà Lưu Bích L là người đại diện theo ủy quyền; Giấy ủy quyền của các ông,

bà U, Ph, Th, Ph, T, Tr ngày 17/4/2015; của bà V ngày 18/4/2015; của bà H, bà Th ngày 14/8/2015; có mặt.

67. Bà Trần Thị S, sinh năm 1987; vắng mặt.

68. Bà Mai Thị Kim L, sinh năm 1977; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 120 Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

69. Ông Trần Minh Phương Tr, sinh năm 1971; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 124 đường Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

70. Bà Vương Thị Yên L, sinh năm 1973; vắng mặt.

Địa chỉ: 436 Lô XI, cư xá Thanh Đ, Phường 27, quận Bình Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

71. Bà Phan Thị Thanh Tr, sinh năm 1984; vắng mặt.

Địa chỉ: 64/2A1 Đường 11, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

72. Bà Trần Thị D, sinh năm 1968; vắng mặt.

Địa chỉ: Căn hộ 08, lô 15E, khu DT Trung Y, Trung H, Cầu G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Ông Huỳnh Nguyên H, sinh năm 1994 và bà Phan Thị Thanh H, sinh năm 1978; trú tại: 27 Khu biệt thự Tân Hồng U, đường 34, phường An Kh, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

3.73. Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 94-96 Ngô Q, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Phòng Công chứng số 2: Ông Lê Huỳnh Phương V, sinh năm 1991 là người đại diện theo ủy quyền; Giấy ủy quyền ngày 17/9/2018; vắng mặt.

3.74. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 43 Nguyễn Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đ: Bà Nguyễn Thị Phương A là người đại diện theo ủy quyền; văn bản ủy quyền ngày 22/5/2019; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh của Công ty TNHH Khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông Tiền tổng diện tích số 120, 120A, 122, 124, 126 Đặng Văn B, phường Bình Th, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo tờ bản đồ số 30, Bộ địa chính, phường Bình Th, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là 4.604m². Nguồn gốc diện tích đất này do ông Lâm Minh Ph mua của bà Nguyễn Thị V theo giấy mua bán ngày 20/8/1953 có chứng nhận của phòng Bảo Thủ điền thổ Sài Gòn ngày 02/10/1953. Sau khi mua đất, từ năm 1965 - 1969 ông Ph xây dựng căn nhà để ở nay mang số 120 Đặng Văn B và dãy nhà cấp 4 làm nhà ở cho công nhân, làm kho và nhà bếp hiện nay mang số 120A, 122, 124, 126 Đặng Văn B.

Ông Ph cho ông Phan Văn X (Hai Th) là người làm công giúp việc vào ở căn nhà số 1/94 hiện nay mang số 120A Đặng Văn B, hiện nay do gia đình bà Lâm Thị B sử dụng. Khoảng năm 1960, ông Ph nhận bà Nguyễn Thị Ng vào ở để làm công giúp việc gia đình. Năm 1969, bà Nguyễn Thị Ng sửa chữa căn nhà mặt tiền mang số 124 Đặng Văn B để ở theo giấy phép ngày 24/01/1970 của quận trưởng quận Thủ Đức. Năm 1982, bà Nga cho các con là bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H về ở trong căn nhà số 124 nêu trên, hiện nay do bà L sử dụng. Năm 1989, ông Ph cho bà Nguyễn Thị L người làm công giúp việc về ở chung căn nhà 120 Đặng Văn B. Ngoài ra, ông P có cho gia đình ông Phan Văn Đức người làm công vào ở căn nhà hiện nay mang số 122 Đặng Văn B. Ông Phan Văn Đức chết. Gia đình bà Lê Thị Ch hiện sử dụng căn nhà này đến nay.

Ông Lâm Minh Ph chết ngày 04/8/1987 được an táng trong khuôn viên đất. Sau khi ông Ph chết, bà L và bà Ng thay mặt gia đình ông Ph quản lý sử dụng nhà đất vì thời gian này ông Lâm Minh Q đi du học ở nước ngoài. Bà Võ Ngọc Đ (vợ ông Ph) xuất cảnh sang Mỹ năm 1988, chết ngày 24/5/2011 tại Mỹ. Ông Ph và bà Đ có 7 người con chung: ông Lâm Minh Q, bà Lâm Thị Ngọc B, ông Lâm Minh Ch, ông Lâm Minh D, ông Lâm Minh H, bà Lâm Thị Ngọc L, ông Lâm Minh Á. Ngoài ra, ông Ph có một con riêng là ông Lâm Minh C. Ông Lâm Minh C chết ngày 28/02/2010 không vợ con.

Năm 1989, bà L sửa chữa căn nhà 1/9B, hiện nay mang số 126 Đặng Văn B. Ngày 20/9/1989, bà L chuyển nhượng cho ông Lưu Văn L, được Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp giấy phép chuyển dịch số 983/GP-UB ngày 29/9/1989. Ngày 04/5/2009 Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp giấy chứng nhận số 1814/2009/GCN cho ông bà Lưu Văn L, Trần Ư với diện tích đất ở 110,4m² diện tích sàn xây dựng 110,4m².

Ông Ph cùng vợ là bà Đ có lập bản di chúc ngày 01/5/1985 với nội dung:

+ Đồng ý di chúc toàn bộ tài sản nhà và đất tại địa chỉ trên cho con trai là ông Lâm Minh Q;

+ Đồng ý theo đơn xin của bà Nguyễn Thị Ng và ông Hai T (Phạm Văn X) là người làm công, giúp việc cho gia đình ông Ph, mỗi người 100m² để làm nhà ở tại địa chỉ trên;

+ Giữ nguyên diện tích trang viên để chôn cất người thân trong gia tộc, đồng ý cho bà L khi chết được phép chôn cất tại trang viên;

+ Đồng ý theo đơn của bà L và bà Ng được phép thuê nhà và kinh doanh cây cảnh phần đất tại mặt tiền nhà, số tiền thu được từ việc cho thuê dùng để chi phí sinh hoạt gia đình và nộp các khoản thuế;

+ Trường hợp có chính sách mới như kê khai điền thổ, thu thuế thổ trạch, lập bằng khoán công nhận quyền sử dụng nhà đất, sẽ do ông Lâm Minh Q thực hiện, nếu ông Q bận công tác thì bà L và bà Ng (là hai người làm công, ăn lương, chức vụ gia trưởng và quản gia) được phép thay mặt gia đình thực hiện, nhưng thủ tục pháp lý thuộc về ông Lâm Minh Q...”“...Riêng các con khác đã được cha mẹ nuôi dưỡng và ăn học thành tài không thuộc phạm vi di chúc này...”.

Ngày 11/6/2007, bà Võ Ngọc Đ lập di chúc khác, được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 27/5/2015 của cơ quan ngoại giao Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Ông Lâm Minh Q yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

1. Xác định diện tích theo bản vẽ của Công ty TNHH Khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông Tiền 4.604m² là di sản của ông Lâm Minh Ph và bà Võ Ngọc Đ. Trừ phần diện tích khu mộ là 513m². Yêu cầu chia thừa kế diện tích còn lại là 4.091m².

2. Yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Lâm Minh Ph theo “Chức thư bất động sản (Di chúc mới) ngày 01/5/1985. Ông Lâm Minh Q yêu cầu được nhận hiện vật.

3. Yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Võ Ngọc Đ theo di chúc lập ngày 11/6/2007 tại Mỹ được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 27/5/2015 tại cơ quan ngoại giao Việt Nam tại Hoa Kỳ. Ông xin được nhận toàn bộ diện tích trên và thanh toán giá trị bằng tiền theo kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế.

4. Buộc những người đang chiếm giữ trái phép phần đất phải di dời công trình xây dựng trên đất, giao trả mặt bằng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lâm Minh Ph mua của bà Nguyễn Thị V từ năm 1953 theo giấy mua bán ngày 20/8/1953 có chứng nhận của phòng Bảo Thủ điền thổ Sài Gòn ngày 02/10/1953. Diện tích theo Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh của Công ty TNHH Khảo sát thiết kế đo đạc

Nam Sông T tổng diện tích số 120, 120A, 122, 124, 126 Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh theo tờ bản đồ số 30, Bộ địa chính, phường Bình Thọ, Quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh trước đây là loại đất nông nghiệp trồng thơm (Theo trích sao địa bộ số 434/TS-TTĐK ngày 05/04/2004).

Ông Lâm Minh Ph, bà Võ Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L không trực tiếp canh tác trên phần đất này mà do bà Nguyễn Thị Ng trực tiếp sử dụng, canh tác, hưởng hoa lợi từ năm 1953. Trong quá trình sử dụng, ông Ph và bà L xây dựng 01 căn nhà để ở số 1/10, hiện nay mang số 120, khu phố 2, đường Đặng Văn B, phường Bình T, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1969, nhà xuống cấp bà Nga xin phép sửa chữa được quận trưởng quận Thủ Đ chấp thuận ngày 24/01/1970, hiện nay mang số 124 Đặng Văn B. Năm 1982, bà Nguyễn Thị Ng kê khai sử dụng khu đất theo chỉ thị 299/TTg trong đó bà Ng sử dụng 2.050m² (gồm 600m² đất thổ, 550m² đất màu và 900m² đất chuyên dùng khác); bà Nguyễn Thị L đăng ký phụ canh là 1.500m² (gồm 800m² đất thổ, 300m² đất màu và 400m² đất chuyên dùng khác).

Theo tài liệu kê khai năm 1999 phần đất do bà Nguyễn Thị L kê khai với diện tích 4.380m², ông Lâm Minh Q kê khai 4.950m², bà Nguyễn Thị N không đăng ký kê khai. Theo sổ dã ngoại tài liệu bản đồ địa chính (pháp lý năm 2004) xác nhận thửa số 3, địa chỉ 120 Đặng Văn B, phường Bình Th, quận Thủ Đ, tên người sử dụng là bà Nguyễn Thị Ng, loại đất là T (thổ), diện tích là 4.367m².

Ngày 12/3/1987, ông Lâm Minh Ph lập giấy tại văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận căn nhà trên do bà Nguyễn Thị Ng xây cất từ năm 1969, có xác nhận của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đ ngày 16/3/1987 và Phòng xây dựng quận Thủ Đ ngày 25/3/1987. Năm 1987, ông Lâm Minh Ph chết. Năm 2000, bà Nguyễn Thị L chết. Bà Ng và các con tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất trên đến nay.

Bà Nguyễn Thị Ng quản lý, trực tiếp canh tác sử dụng nhà và đất trên từ trước năm 1975 đến khi bà Ng chết năm 2010. Quá trình sử dụng bà Nguyễn Thị Ng đăng ký kê khai nộp thuế từ năm 1993 đến năm 2010. Bà Ng ở chung với ông Lâm Minh Ph và bà Nguyễn Thị L. Ông Ph và bà L đều công nhận bà Ng là con nuôi, bà Ng cũng xác nhận là con nuôi của ông Ph, bà L.

Bà Nguyễn Thị L lập di chúc công chứng số 16509 ngày 10/4/1998 cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H được hưởng phần sở hữu của bà L trong căn nhà 1/10, hiện nay mang số 120 Đặng Văn B, phường Bình T, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh và di chúc công chứng số 63428 ngày 03/12/1997 cho bà Ng thừa kế nhà 124 Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lâm Minh Q không có hộ khẩu,

không sinh sống, quản lý, canh tác sử dụng nhà đất từ năm 1953 đến nay, không đăng ký, không thực hiện nghĩa vụ thuế nhà đất. Ông Lâm Minh Q là bác sĩ đã xuất cảnh sang Pháp từ năm 1990 đến năm 1999 mới trở về Việt Nam không có nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp.

Ông Nguyễn Văn H có yêu cầu phản tố, đề nghị:

1. Xác định bà Nguyễn Thị L là vợ thứ hai hợp pháp của ông Lâm Minh Ph từ thời điểm năm 1940-1941.

2. Công nhận quyền sử dụng đất thửa số 1,2,3,8 Tờ bản đồ số 30, Bộ địa chính phường Bình Th, quận Thủ Đ (theo tài liệu năm 2004) có các căn nhà số 120, 120A, 122, 124, 126 đường Đặng Văn B, phường Bình Th, quận Thủ Đ theo Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh của Công ty TNHH Khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông T tổng diện tích số 120, 120A, 122, 124, 126 Đặng Văn B, phường Bình Th, Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh theo tờ bản đồ số 30, Bộ địa chính, phường Bình Th, Quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh trừ diện tích phần mộ 513m², còn lại là 4.091m² thuộc quyền sử dụng chung hợp pháp của ông Lâm Minh Ph, bà Võ Ngọc Đ (vợ thứ nhất), bà Nguyễn Thị L (vợ thứ hai). Phần diện tích này, ông Ph, bà Đ, bà L mỗi người được quyền sử dụng 1/3.

- Bà L chết ngày 07/9/2000, bà Nguyễn Thị Ng (con nuôi của bà Nguyễn Thị L) được hưởng 1/3 diện tích đất nêu trên. Bà Nguyễn Thị Ng chết ngày 07/11/ 2010. Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L là con của bà Ng được thừa kế quyền sử dụng đất nêu trên.

- Phần của ông Lâm Minh Ph được quyền sử dụng 1/3 diện tích đất, được chia cho các thừa kế của ông Ph.

- Phần của bà Võ Ngọc Đ được quyền sử dụng 1/3 diện tích đất, được chia cho các thừa kế của bà Đ.

- Công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị L được công chứng số 16509 ngày 10/4/1998.

- Công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị L được công chứng số 63428 ngày 03/12/1997.

- Công nhận giấy ủy quyền ngày 14/5/1992 của bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho bà Ng trông nom nhà và khu đất nêu trên có giá trị như di chúc.

- Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ng (con nuôi của bà Nguyễn Thị L), ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L có công sức giữ gìn, bảo quản và phát triển tài sản nhà đất nêu trên, mỗi người được hưởng một phần công sức bằng suất thừa kế nhà đất nêu trên.

Theo kết quả giám định ADN có cơ sở xác định ông H là con của ông Lâm Minh C và bà L là em của ông Lâm Minh Q nên đề nghị chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

2.2. Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: bà L có ý kiến giống ông H. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông H.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lâm Minh H với tư cách cá nhân và tư cách đại diện theo uỷ quyền của bà Lâm Thị Ngọc B, ông Lâm Minh Ch, bà Lâm Thị Ngọc L, ông Lâm Minh Á trình bày:

Xác định nguồn gốc nhà đất, người thừa kế như nội dung trình bày của ông Lâm Minh Q là đúng. Với tư cách cá nhân và tư cách đại diện theo uỷ quyền ông có yêu cầu độc lập, cụ thể:

1. Yêu cầu công nhận tổng diện tích theo Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh của Công ty TNHH Khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông T tổng diện tích số 120, 120A, 122, 124, 126 Đặng Văn B, phường Bình T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo tờ bản đồ số 30, Bộ địa chính, phường Bình Th, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là 4.604m² là di sản của ông Lâm Minh Ph và bà Võ Ngọc Đ.

2. Yêu cầu để lại diện tích khu mộ 16m x 54,25m = 868m² là tài sản chung của các đồng thừa kế, giao cho ông và ông Lâm Minh Ch được đại diện kê khai đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Không công nhận bà Nguyễn Thị L là vợ của ông Ph.

4. Công nhận di chúc của bà Đ ngày 11/6/2007.

5. Yêu cầu tuyên bố “Chức thư bất động sản” của ông Q, bà Đ ngày 01/5/1985 không hợp pháp.

6. Yêu cầu Huỷ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 1814/2009/GCN ngày 04/5/2009 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lưu Văn L và bà Trần U.

7. Yêu cầu tuyên bố “Bản di chúc” ngày 03/10/1997 và “Tờ di chúc” ngày 10/3/1998 của bà Nguyễn Thị L vô hiệu.

8. Phần còn lại 3.736m² chia cho 8 suất thừa kế, mỗi suất 467m². Ông Lâm Minh H và ông Lâm Minh Ch được nhận 6 suất thừa kế bằng hiện vật 2.802m², bao gồm suất thừa kế của ông H, ông Ch, bà B, bà L, ông D, ông Á. Ông Ch và ông H có nghĩa vụ hoàn trả phần thừa kế tương đương bằng giá trị tiền cho bà B, bà L, ông D, ông Á.

9. Yêu cầu ông H, bà L hoàn trả tất cả những đồ thờ cúng trong căn nhà từ đường 120 Đặng Văn B, gồm: 01 bàn thờ cao, khảm xà cừ; một bàn thờ thấp, khảm xà cừ; 01 bộ lư hương kim loại màu vàng; 01 chân đế để đĩa trái cây bằng gỗ; 01 cái lư hương để đốt trầm bằng kim loại màu đen. Ông yêu cầu được quản lý những vật thờ cúng trên cho các đồng thừa kế.

3.2. *Đại diện theo uỷ quyền của ông Lâm Minh D trình bày:* đồng ý như nội dung và yêu cầu của ông Lâm Minh H.

Ông Diệu đồng ý giao phần thừa kế quyền sử dụng đất của ông cho ông H và nhận phần giá trị bằng tiền. Ông D không có yêu cầu độc lập. Ông D đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông H.

3.3. *Đại diện theo uỷ quyền của bà Lâm Thị B, ông Phạm Tín Ng, bà Phạm Thị Nh, ông Lâm Văn H trình bày:*

Ông Phạm Văn X làm công cho gia đình ông Lâm Minh Ph, năm 1962, ông Lâm Minh Ph cho vợ chồng ông Phạm Văn X và bà Lâm Thị B vào ở dãy nhà kho hiện nay mang số 120A Đặng Văn B. Quá trình ở, ông X và bà B xây dựng mở rộng căn nhà theo hiện trạng hiện nay. Quá trình quản lý sử dụng không có kê khai đóng thuế. Ông Phạm Văn X chết ngày 24/3/2014. Bà Lâm Thị B và ông Phạm Văn X có 11 người con gồm các ông, bà: Lâm Văn H; Phạm Thị H; Phạm Văn T; Phạm Văn D; Phạm Tín Ng; Phạm Thị Nh; Lâm Thị D; Phạm Thành Đ; Lâm Hoàng D; Lâm Văn Á; Lâm Văn D.

Bà Lâm Thị B có thay đổi yêu cầu độc lập: Yêu cầu công nhận sở hữu nhà đất theo hiện trạng đang sử dụng mang số 120A Đặng Văn B và các công trình trên đất theo bản vẽ của Công ty TNHH Khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông T 245,5m². Đề nghị công nhận lối đi nội bộ hiện hữu.

3.4. *Ông Đinh Trần Lê P với tư cách cá nhân và tư cách đại diện theo uỷ quyền của ông Th, ông Ph, bà Đ, bà H trình bày:*

Ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị G là cha mẹ của bà Lê Thị Ch làm công nhân cho ông Lâm Minh Ph và được ông Ph cấp cho ở căn nhà từ năm 1969 đến nay, hiện nay mang số 122 Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đ. Ông Đ và bà Lê Thị G chết, bà Ch và các con sử dụng đến nay. Quá trình sử dụng bà Ch đóng thuế nhà đất từ năm 1981 đến nay và kê khai nhà đất năm 1999. Bà Lê Thị Ch chết ngày 13/12/2020, với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng và người thừa kế của bà Ch và ông Đinh Trần Th yêu cầu công nhận diện tích 93m² nhà đất số 122 Đặng Văn B thuộc sở hữu của ông Đinh Trần Th và bà Lê Thị Ch và các con cháu được tiếp tục ở trong căn nhà này.

3.5. *Bà Lưu Bích L với tư cách cá nhân và tư cách đại diện theo uỷ quyền cho các ông, bà Trần Ư, Lưu Bích V, Lưu Hồng Ph, Lưu Vinh Ph, Lưu Phước H, Lưu Quế Th, Lê Văn T, Lê Hải Tr, Nguyễn Kim Th trình bày:*

Năm 1989, ông Lưu Văn L và bà Trần Ư mua căn nhà số cũ là 1/9B tổ 1, ấp 9, hiện nay mang số 126 Đặng Văn B của bà Nguyễn Thị L theo giấy phép mua bán chuyển dịch số 983 ngày 29/9/1989 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đ. Ngày 04/5/2009 Ủy ban nhân dân quận Thủ Đ cấp chứng nhận sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 1814/2009/GCN cho ông Lưu Văn L và bà Trần Ư đối với

căn nhà số 126 Đặng Văn B. Ông Lưu Văn L chết ngày 16/6/2014, ông L và bà Trần U có 06 con chung gồm: Bà Lưu Bích L, bà Lưu Bích V, ông Lưu Hồng Ph, ông Lưu Vinh Ph, bà Lưu Phước H, bà Lưu Quế Th. Bà Trần U yêu cầu công nhận sở hữu nhà đất theo hiện trạng đang sử dụng mang số 126 Đặng Văn B và phần sân xi măng phía sau diện tích 45,8m².

3.6. *Đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị Thanh H trình bày:* bà Hồng là vợ của ông H, bà H đồng ý với ý kiến của ông H và đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H.

3.7. *Ông Trần Minh Phương Tr trình bày:* ông thuê một phần căn nhà 124 Đặng Văn B của bà Nguyễn Thị L từ tháng 07/2005 đến tháng 12/2014 để sửa xe máy, hết hạn hợp đồng gia hạn thuê, giá: 4.500.000 đồng/ tháng. Ông không có yêu cầu liên quan đến việc tranh chấp, đề nghị được vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án.

3.8. *Bà Trần Thị S và bà Mai Thị Kim L trình bày:* Bà là người thuê mặt bằng nhà số 120 Đặng Văn B để kinh doanh cây kiểng. Bà không có yêu cầu liên quan đến việc tranh chấp, đề nghị được vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án.

3.9. *Bà Vương Thị Yến L và bà Phan Thị Thanh Tr trình bày:* Bà là người thuê mặt bằng nhà số 122 Đặng Văn B để kinh doanh. Bà không có yêu cầu liên quan đến việc tranh chấp, đề nghị được vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án.

3.10. *Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức do bà Nguyễn Thị Phương A đại diện trình bày tại công văn số 302/UBND ngày 22/01/2019, nội dung như sau:*

Về nguồn gốc nhà đất tại địa chỉ 120, 120A, 122, 124, 126 Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Lâm Minh Ph nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị V đứng bộ diện tích 4.950m² thuộc sổ địa bộ 415, một phần số bản đồ 57, tờ số 1 tọa lạc xã Linh X. Quá trình sử dụng biến động như sau:

- Đối với nhà đất 126 Đặng Văn B, phường Bình Th, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ nội dung tờ trình số 2240/TTr-TNMT ngày 28/4/2009 của phòng Tài nguyên và Môi trường quận Thủ Đức, căn nhà số 126 Đặng Văn B, khu phố 2, phường Bình Th do ông bà Lưu Văn L - Trần U sử dụng, có nguồn gốc của ông Lâm Minh Ph. Ông Ph chết năm 1987. Năm 1989, bà L được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Đ cấp giấy phép xây dựng (hợp thức hóa) số 914/GPXD ngày 14/9/1989 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Đ công nhận diện tích 130,7m² chưa công nhận diện tích khuôn viên, nhà ông L và bà U sử dụng đến nay. Ngày 04/5/2009 Ủy ban nhân dân quận Thủ Đ cấp giấy chứng nhận số

1814/2009/GCN cho ông bà Lưu Văn L, Trần U với diện tích đất ở 110,4m², diện tích sàn xây dựng 110,4m².

- Đối với căn nhà số 120 (số cũ 1/10) Đặng Văn B: ông Ph đã sử dụng để cất nhà và sống với bà Nguyễn Thị L, phần còn lại ông Ph sử dụng để canh tác và làm nơi chôn cất người thân. Khoảng năm 1960, ông Ph cho bà Nguyễn Thị Ng về sống chung để trông nom nhà cửa, mồ mã người thân và phụ giúp canh tác trên đất. Năm 1969, bà Ng đứng tên xin phép xây dựng, sửa chữa (có sự đồng ý của ông Ph) căn nhà số 1/10, hiện nay mang số 120 Đặng Văn B. Năm 1987, ông Ph chết. Bà Ng và bà L tiếp tục quản lý canh tác tại phần đất của ông Ph và chăm sóc mồ mã người thân trong gia đình ông Ph. Năm 1992, bà L lập giấy ủy quyền (có xác nhận của Ủy ban nhân dân Thị trấn Thủ Đức ngày 16/5/1992) cho bà Nguyễn Thị Ng trông nom ngôi nhà 1/10 và khu đất với tư cách là người thừa kế của bà L. Năm 2000, bà L chết. Bà Ng tiếp tục trông nom mồ mã của ông Ph và sử dụng các phần đất xung quanh.

- Đối với căn nhà số 120A, 122, 124 Đặng Văn B chưa được cấp giấy chứng nhận.

- Việc kê khai đóng thuế đối với nhà, đất do bà Ng nộp thuế nhà đất các năm 1996, 1997, 1999, 2001, 2002, 2003, 2004, 2006, 2008, 2010.

3.11. Phòng Công chứng số 02, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Lê Huỳnh Phương V đại diện trình bày: Việc công chứng di chúc do bà Nguyễn Thị L lập ngày 10/4/1998 và di chúc công chứng số 63428 ngày 03/12/1997 đúng trình tự luật định. Văn phòng công chứng yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 960/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1, 2 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 612, Điều 613, Điều 624, Điều 659, Điều 166, Điều 353 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Minh Q.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L về việc tính công sức cho những người quản lý, sử dụng đất. Không chấp nhận những yêu cầu phản tố còn lại.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lâm Minh H với tư cách cá nhân và tư cách đại diện theo uỷ quyền của các ông bà Lâm Thị Ngọc B, Lâm Minh Ch, Lâm Thị Ngọc L, Lâm Minh A về việc chia thừa kế của bà Võ Ngọc Đ theo di chúc; yêu cầu hoàn trả đồ thờ cúng cho các đồng thừa kế; yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 1814/2009/GCN ngày 04/5/2009 do Uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lưu Văn L và bà Trần U; yêu cầu không công nhận bà L là vợ hợp pháp của ông Ph. Không chấp nhận những yêu cầu độc lập còn lại.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lâm Thị B và các đồng thừa kế của ông Phạm Văn X; yêu cầu độc lập của các đồng thừa kế của bà Lê Thị Ch; yêu cầu độc lập của bà Trần U và các đồng thừa kế của ông Lưu Văn L về việc công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đang sử dụng.

5. Huỷ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 1814/2009/GCN ngày 04/5/2009 do Uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lưu Văn L và bà Trần U do giao dịch chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lưu Văn L, bà Trần U vô hiệu.

6. Xác định nhà đất tọa lạc tại số 120, 120A, 122, 124, 126 Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo tờ bản đồ số 30, Bộ địa chính, phường Bình Th, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tổng diện tích là 4.604m² theo bản vẽ của Công ty TNHH Khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông T là di sản của ông Lâm Minh Ph và bà Võ Ngọc Đ. Không giải quyết chia thừa kế phần diện tích thổ mộ 513m², phần diện tích đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của các đồng thừa kế của ông Phương, bà Đ. Tổng diện tích còn lại 4.091m² là di sản của ông Lâm Minh Ph và bà Võ Thị Đ được chia thừa kế.

7. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Minh Ph tại thời điểm mở thừa kế gồm: bà Võ Ngọc Đ, ông Lâm Minh Q, bà Lâm Thị Ngọc B, ông Lâm Minh Ch, ông Lâm Minh D, ông Lâm Minh H, bà Lâm Thị Ngọc L, ông Lâm Minh A, ông Lâm Minh C.

8. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Ngọc Đ tại thời điểm mở thừa kế gồm: ông Lâm Minh Q, bà Lâm Thị Ngọc B, ông Lâm Minh Ch, ông Lâm Minh D, ông Lâm Minh H, bà Lâm Thị Ngọc L, ông Lâm Minh A.

9. Xác định di sản của ông Lâm Minh Ph được chia theo “Chức thư bất động sản (Di chúc mới) lập ngày 01/5/1985. Xác định di sản của bà Võ Ngọc Đ

được chia theo di chúc lập ngày 11/6/2007 đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 27/5/2015 tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Hoa Kỳ.

10. Ông Lâm Minh Q có nghĩa vụ hoàn tiền cho các đồng thừa kế và những người cư trú trên đất, cụ thể:

10.1. Bà Lâm Thị Ngọc B, ông Lâm Minh Ch, ông Lâm Minh D, ông Lâm Minh H, bà Lâm Thị Ngọc L, ông Lâm Minh Á mỗi người 23.363.813.340 đồng.

10.2. Ông Nguyễn Văn H: 16.796.069.584 đồng.

10.3. Bà Nguyễn Thị L: 16.305.789.603 đồng.

10.4. Các đồng thừa kế của bà Lê Thị Ch: 8.889.983.085 đồng.

10.5. Bà Lâm Thị B và các đồng thừa kế của ông Phạm Văn X: 17.871.879.429 đồng.

10.6. Bà Trần U và các đồng thừa kế của ông Lưu Văn L: 11.711.102.895 đồng.

10.7. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn tiền, ông Lâm Minh Q được trọn quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà, đất tại số 120, 120A, 122, 124, 126 Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc tờ bản đồ số 30, Bộ địa chính, phường Bình Th, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 4.091m² có toạ độ xác định tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 22, 23, 24, 25, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 theo Bản đồ hiện trạng vị trí, xác định ranh của Công ty TNHH Khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông T lập ngày 01/4/2023, được tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và có nghĩa vụ chấp hành các đề án quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền đối với khu đất trên.

11. Hết thời hạn 10 ngày tự nguyện thi hành án, nếu ông Lâm Minh Q không có khả năng hoàn toàn bộ số tiền trên thì ông Lâm Minh Q có nghĩa vụ nộp 1/7 số tiền bồi hoàn giá trị công trình xây dựng trên đất, giá trị cây trồng là 255.032.085 đồng và được nhận phần thừa kế của ông là khu đất 2, tổng diện tích 1.684,03m².

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nộp số tiền 255.032.085 đồng, ông Lâm Minh Q được tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục sang tên quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tổng diện tích 1.684,03m² có toạ độ xác định tại các điểm 11, 12, 13, 14, 15, 25 theo Bản đồ hiện trạng vị trí, xác định ranh của Công ty TNHH Khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông T lập ngày 01/4/2023 và có nghĩa vụ chấp hành các đề án quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền đối với phần đất trên.

12. Trong thời hạn 10 ngày tiếp theo sau khi hết thời gian tự nguyện thi hành án của ông Lâm Minh Q, ông Lâm Minh H được ưu tiên nộp tiền hoàn cho

các ông bà Lâm Thị Ngọc B, Lâm Minh Ch, Lâm Minh D, Lâm Thị Ngọc L, Lâm Minh A mỗi người: 23.363.813.340 đồng; ông Nguyễn Văn H: 16.796.069.584 đồng; bà Nguyễn Thị L: 16.305.789.603 đồng; các đồng thừa kế của bà Lê Thị Ch: 8.889.983.085 đồng; bà Lâm Thị B và các đồng thừa kế của ông Phạm Văn X: 17.871.879.429 đồng; bà Trần U và các đồng thừa kế của ông Lưu Văn L: 11.711.102.895 đồng.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn số tiền trên thì ông Lâm Minh H được nhận số tiền ông Lâm Minh Q đã nộp là 255.032.085 đồng và được trọn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất, cây lâu năm, cây ăn trái trên phần diện tích đất còn lại là 2.406,97m² có toạ độ xác định tại các điểm 15, 16, 17, 18, 19, 20, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 22, 23, 24, 25 theo Bản đồ hiện trạng vị trí, xác định ranh của Công ty TNHH Khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông T lập ngày 01/4/2023, được tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục sang tên quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà phần diện tích trên và có nghĩa vụ chấp hành các đề án quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền đối với phần đất trên.

13. Trong thời hạn 10 ngày tiếp theo kể từ ngày ông H hết thời hạn được quyền ưu tiên nộp tiền nhận hiện vật, ông Nguyễn Văn H được ưu tiên nộp tiền hoàn cho các ông bà Lâm Thị Ngọc B, Lâm Minh Ch, Lâm Minh H, Lâm Minh D, Lâm Thị Ngọc L, Lâm Minh A mỗi người được nhận: 23.363.813.340 đồng; bà Nguyễn Thị L: 16.305.789.603 đồng; các đồng thừa kế của bà Lê Thị C: 8.889.983.085 đồng; bà Lâm Thị B và các đồng thừa kế của ông Phạm Văn X: 17.871.879.429 đồng; bà Trần U và các đồng thừa kế của ông Lưu Văn L: 11.711.102.895 đồng.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn tiền thì ông Nguyễn Văn H được nhận số tiền ông Lâm Minh Q đã nộp là 255.032.085 đồng và được trọn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất, cây lâu năm, cây ăn trái trên phần diện tích đất còn lại là 2.406,97m² có toạ độ xác định tại các điểm 15, 16, 17, 18, 19, 20, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 22, 23, 24, 25 theo Bản đồ hiện trạng vị trí, xác định ranh của Công ty TNHH Khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông T lập ngày 01/4/2023 và có nghĩa vụ chấp hành các đề án quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền.

14. Trường hợp ông Lâm Minh H, ông Nguyễn Văn H không có khả năng hoàn tiền trong thời hạn được ưu tiên thì một trong các đương sự được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ phần diện tích nhà đất 2.406,97m² có toạ độ xác định tại các điểm 15, 16, 17, 18, 19, 20, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 23, 24, 25 theo Bản đồ hiện trạng vị trí, xác định ranh của Công ty TNHH Khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông T lập ngày 01/4/2023. Số tiền phát mãi, cộng với số tiền ông Lâm Minh Q đã nộp 255.032.085 đồng sau khi trừ các

khoản chi phí, lệ phí, hoàn tiền giá trị công trình xây dựng trên đất, giá trị cây trồng cho:

- + Ông Nguyễn Văn H: 687.757.534 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị L: 197.477.553 đồng.
- + Các đồng thừa kế của bà Lê Thị Ch: 166.283.085 đồng.
- + Bà Lâm Thị B và các đồng thừa kế của ông Phạm Văn X: 424.479.429 đồng.
- + Bà Trần U và các đồng thừa kế của ông Lưu Văn L: 309.226.995 đồng.

Số tiền còn lại sẽ chia theo tỷ lệ: bà Lâm Thị Ngọc B, ông Lâm Minh Ch, ông Lâm Minh H, ông Lâm Minh D, bà Lâm Thị Ngọc L, ông Lâm Minh A mỗi người được nhận 11,127%; ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L mỗi người được nhận 7,672%; Gia đình bà Lê Thị Ch được nhận 4,154%; Gia đình bà Lâm Thị B được nhận 8,309%; Gia đình bà Lưu Bích L được nhận 5,431%.

15. Buộc ông Nguyễn Văn H hoàn trả ông Lâm Minh H những đồ thờ cúng đang để trong căn nhà 120 Đặng Văn B gồm: 01 bàn thờ cao, khám xà cừ; 01 bàn thờ thấp, khám xà cừ; 01 bộ lư hương kim loại màu vàng; 01 chân đế để đĩa trái cây bằng gỗ; 01 cái lư hương để đốt trầm bằng kim loại màu đen. Ông Lâm Minh H được quản lý, sử dụng những vật dụng trên. Tranh chấp giữa ông H với bà Lâm Thị Ngọc B, ông Lâm Minh Ch, ông Lâm Minh Q, ông Lâm Minh D, bà Lâm Thị Ngọc L, ông Lâm Minh A về những vật dụng trên nếu có sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

16. Sau khi nhận tiền, những người cư trú trên đất có nghĩa vụ phải di dời, giao trả nhà, đất cho người đã đủ điều kiện nhận hiện vật.

Tranh chấp số tiền giá trị tính công sức, số tiền hoàn trả giá trị công trình xây dựng trên đất, giá trị cây trồng giữa các đồng thừa kế của bà Lê Thị C; giữa bà Lâm Thị B và các đồng thừa kế của ông Phạm Văn X; giữa bà Trần U và các đồng thừa kế của ông Lưu Văn L nếu có sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 29/6/2023 ông H và bà H là người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Minh Q kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm giảm 50% phần chia công sức gìn giữ, quản lý tài sản của gia đình những người ở trên đất.

Ngày 20/6/2023 ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, vì chưa xem xét đánh giá hết tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; ngày 23/02/2024 ông Võ Hòa Nh là người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà

L kháng cáo bổ sung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận cụ L là vợ của cụ Ph là không đúng theo Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh thừa kế.

Ngày 23/6/2023 ông Cao Minh Tr là người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Minh D kháng cáo đề nghị tuyên Di chúc ngày 01/5/1985 không hợp pháp, vì tại thời điểm năm 1985 người lập di chúc có trạng thái tinh thần minh mẫn, có tự nguyện hay không và pháp luật cũng chưa quy định quyền sử dụng đất là tài sản thừa kế. Trừ phần đất mộ 868m², còn lại chia theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/6/2023 ông Lâm Minh H kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tuyên Di chúc ngày 01/05/1985 vô hiệu; các đồng thừa kế của ông Lâm Minh H chịu trách nhiệm bồi thường tài sản trên đất cho những người đang ở trên đất; trả công sức trông coi, quản lý gìn giữ đất bằng giá trị; sửa lại lối đi không cần phải mở lối đi riêng, vì đã có đường đi Đặng Văn B và hẻm bê tông bên hông lô đất rộng 4,5m; để lại phần đất khuôn viên mộ là 868m² và chia bằng hiện vật để có nhà đất làm nơi sinh sống.

Ngày 19/6/2023 ông Trần Trung K là người đại diện theo ủy quyền của gia đình bà Lâm Thị B kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm như: Công nhận lối đi chung diện tích 186,3m² và gia đình bà Lâm Thị B được sử dụng thực tế là 245,5m² mang số nhà 12A Đặng Văn B

Ngày 21/6/2023 bà Lưu Bích L là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ứ kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm công nhận quyền sở hữu nhà đất theo Giấy CNQSHN ở, QSDĐ số 1814/2009/GCN ngày 04/05/2009.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được vụ án, nên Tòa tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tranh tụng luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự và các đương sự tham gia tranh tụng như sau:

- *Luật sư Kh bảo vệ quyền lợi cho ông T trình bày:* Tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm công sức quản lý, gìn giữ tài sản của những người ở trên đất, được hưởng xuống còn 50% vì chỉ chấp nhận một phần di chúc của cụ Ph; từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả giám định, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Đối với di chúc do bà D mới cung cấp không đúng quy định, vì không khám sức khỏe của ông Q và không có người giám hộ, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Q sửa một phần bản án sơ thẩm. Ông T nhất trí với lời trình bày của luật sư và không có ý kiến khác.

- *Luật sư Lợi bảo vệ quyền lợi cho bà A trình bày:* Di chúc do cụ Ph và cụ Đ lập năm 1985; sau đó cụ Đ lập một di chúc mới, về nội dung không đề cập đến di chúc năm 1985, nên di chúc của cụ Đ đã thay đổi không đề cập đến việc tặng cho đất đối với bà Ng, ông Đ. Do đó, theo di chúc năm 1985, còn lại cụ Phương quyết định tặng cho bà Ng, ông Đ mỗi người 50m² là phù hợp. Phần công sức của bà Ng đã nhận bồi thường đất khi Nhà nước làm đường, nay tiếp tục giải quyết công sức cho bà N là không phù hợp. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm phần này. Bà A nhất trí với lời trình bày của luật sư và không có ý kiến khác.

- *Luật sư B bảo vệ quyền lợi cho ông H trình bày:* Di chúc cụ Ph và cụ Đ lập năm 1985 bị vô hiệu, do di chúc đánh máy nhưng không có người làm chứng ký nên theo Thông tư số 81/TT-TATC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao; Điều 14, Điều 17 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì di chúc này không phải là di chúc viết tay nên không có giá trị; về nội dung của di chúc ghi địa chỉ của cụ Đ, ông Q không đúng nơi ở, nhân thân của cụ L cũng không đúng. Di chúc lập năm 1985, khi Nhà nước chưa công nhận quyền sở hữu đất đai, cụ Ph cũng chưa được đứng tên về đất đai, di chúc này không đúng với ý chí của cụ Ph và tình hình thực tế. Di chúc năm 1985 cụ Ph và cụ Đ cùng ký tên nhưng khi đi giám định chỉ giám định chữ ký của cụ Ph, không giám định chữ ký của cụ Đ, do Tòa án tự thực hiện giám định không có yêu cầu của đương sự là không đúng pháp luật. Tài sản trên đất Tòa cho định giá và buộc những người thừa kế phải thanh toán cho những người ở trên đất là chưa phù hợp. Đất dùng làm Trang viên được UBND phường xác nhận là 868m², đề nghị giao cho ông H quản lý và đại diện đứng tên kê khai theo quy định của pháp luật và theo kháng cáo của ông Q đề nghị giảm phần công sức những người ở trên đất là phù hợp. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm và giao đất cho ông H nhận để thanh toán tiền lại cho những người thừa kế khác và những người ở trên đất. Ông H nhất trí với lời trình bày của luật sư và không có ý kiến khác.

- *Luật sư Ng bảo vệ quyền lợi cho ông H, bà L trình bày:* Bản án sơ thẩm xét xử chưa đủ căn cứ, vì những lý do như sau: Cụ L không phải là vợ thứ hai của cụ Ph là không đúng, vì cụ Ph đã đưa cụ L về sống chung một nhà; tại đơn giao nhà đất cho thuê của cụ Ph vào ngày 25/3/1978, cụ Ph đã xác nhận vợ là cụ Võ Thị Ngọc Đ và cụ Nguyễn Thị L; đơn của ông Q gửi cho Tòa án cũng xác nhận cụ Ph có vợ là cụ Đ và có 7 người con chung, vợ không chính thức là cụ L có 01 con chung. Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận cụ L là vợ của cụ Ph là không đúng với Nghị quyết số 02/1990/NQ-HĐTPATC là không đúng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận nhà đất trên của cụ Ph, cụ Đ và cụ L là không đúng quy định. Ngoài ra nhà đất trên do cụ Lành, bà Nga và sau này là ông H, bà L quản lý từ đó đến nay nên phải tính công sức quản lý cho gia đình ông H, bà L. Di chúc năm 1985 là giả tạo, bị vô hiệu vì tại thời điểm lập di chúc

có những nội dung không phù hợp, như tại thời điểm năm 1985 bà Ng chưa bán cây cảnh nhưng ghi nội dung này là không phù hợp. Từ những căn cứ trên đề nghị hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về để giải quyết lại vụ án. Ông H nhất trí lời trình bày của luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Thông tư số 01/TTLT ngày 06/01/2016 công nhận hôn nhân thực tế của cụ L và yêu cầu tài sản dùng trong việc thờ cúng, bà Ng mẹ của ông H quản lý dùng thờ cúng từ trước nay ông H tiếp tục quản lý để thờ cúng.

Ông K người đại cho ông Ng, bà Nh, ông H và bà L người đại diện của bà Trần U và các đồng thừa kế của ông Lưu Văn L trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ông Đinh Trần Lê Ph với tư cách cá nhân và tư cách đại diện theo ủy quyền của ông Th, ông Ph, bà Đ, bà H đề nghị công nhận cho gia đình ông được tiếp tục sử dụng, sở hữu diện tích nhà đất theo hiện trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Di chúc do ông Q lập ngày 24/8/2023 là sau khi xét xử sơ thẩm, nội dung không liên quan đến việc quyết định của vụ án, nên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Bản án phúc thẩm số 144/2021/DSPT ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ hủy bản án sơ thẩm, chưa phải là án lệ nên không phải buộc tòa án cấp dưới phải chấp hành. Cụ L không phải là vợ của cụ Ph, đến nay cũng không cung cấp được chứng cứ xác định cụ L là vợ của cụ Ph. Di chúc năm 1985, do cụ Ph lập, giám định kết quả chữ ký của cụ Ph; sau khi cụ Ph chết cụ Đ lập di chúc mới ngày 11/6/2007, đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 27/5/2015 tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Hoa Kỳ đúng quy định pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận di chúc do cụ Ph, cụ Đ lập và giải quyết theo di chúc, giải quyết công sức quản lý gìn giữ nhà đất của những người ở trên đất là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm; do ông Quang chết nên sửa cách tuyên để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã đưa vụ án ra xét xử nhiều lần người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, việc vắng mặt của họ nhưng có người đại diện, khi xét xử không ảnh hưởng đến việc vắng mặt của họ. Do đó, Tòa cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại cấp phúc thẩm, ông Quang là người khởi kiện chết (ngày 09/12/2023), Tòa đã đưa người kế thừa

quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Q vào tham gia tố tụng; đồng thời có di chúc của ông Q để di sản cho bà Trần Thị D theo bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật nên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Tòa đưa bà D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhằm giải quyết những phát sinh nếu có khi thi hành án là phù hợp.

[2]. Theo Chứng thư thị thực lập ngày 20/8/1953, thể hiện cụ Lâm Minh Ph mua của bà Nguyễn Thị V có chồng là ông Nguyễn Văn S tham dự, phần đất 6.000m² với giá 12.000 đồng. Trước bạ ngày 22/8/1953 quyển 226 tờ 12, số 77, đăng ký ngày 02/10/1953 (BL: 709 - 714). Từ năm 1965 - 1969 cụ Ph xây dựng căn nhà 1/10 nay là 120 và dãy nhà cấp 4, hiện nay mang số 120A, 122, 124, 126 Đặng Văn B. Cụ P sử dụng nhà đất nêu trên để làm cơ sở xây xát lúa, làm nhà kho chứa đồ và cho các hộ là công nhân và người làm công ở, một phần làm nơi chôn cất cha mẹ và người thân. Tài sản trên được tạo lập trong thời gian cụ Lâm Minh Ph và cụ Võ Ngọc Đ sống chung từ năm 1937, nên đây là tài sản chung của cụ Ph và cụ Đ. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí, xác định ranh do Công ty TNHH khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông T lập ngày 01/4/2023, tổng diện tích đất thực tế 4.604m², trên đất có 5 căn nhà số 120, 120A, 122, 124, 126 Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; là di sản của cụ Ph và cụ Đ chết để lại như Tòa án cấp sơ thẩm xác định là có cơ sở.

[3]. Theo trình bày của các đương sự và Bản vẽ thực tế do Công ty TNHH khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông T lập chi tiết ngày 01/4/2023, đã thể hiện: Cụ Ph nhận bà Nguyễn Thị Ng vào làm việc và cho ở tại căn nhà 124; đến năm 1969 nhà xuống cấp, bà Ng xin phép sửa chữa lại nhà được quận trưởng quận Thủ Đức chấp thuận ngày 24/01/1970; dù trong hồ sơ ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L có cung cấp Giấy xác nhận của cụ Ph vào ngày 12/3/1987, gửi Phòng xây dựng và Đội quản lý nhà huyện Thủ Đức, xác định căn nhà 124 Đặng Văn B không phải là nhà của Nhà nước, mà nhà do con nuôi là Nguyễn Thị Ng xây cất năm 1969; mục đích cụ Ph xác định nhà có chủ nhằm tránh việc quản lý của Nhà nước, vì nguồn gốc nhà này cụ Ph đã xây dựng từ năm 1965, dù bà Ng đã kê khai, đăng ký nhà đất cũng không làm thay đổi quyền sở hữu nhà đất của cụ Ph và cụ Đ cho bà Ng ở tại căn nhà 124 như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là phù hợp. Cụ Ph cho gia đình bà Lâm Thị B (vợ của ông Hai Th) là người làm công vào ở tại căn nhà 120A; trong quá trình ở gia đình của bà B đã sửa chữa nhà nhiều lần, hiện đang sử dụng tổng diện tích 245m². Cụ Ph cho ông Phan Văn Đ là người làm công ở tại căn nhà 122; hiện bà Lê Thị Ch (con ông Phan Văn Đ) đang sử dụng tổng diện tích 93m². Đến ngày 05/8/1987 cụ Ph chết, năm 1988 cụ Đ xuất cảnh ra nước ngoài sống cùng các con; cụ Nguyễn Thị L quản

lý, kê khai nhà đất và đến ngày 20/9/1989 cụ L chuyển nhượng căn nhà 1/9B nay là nhà 126 cho ông Lưu Văn L, được UBND quận Thủ Đức cấp giấy phép chuyển dịch số 983/GP-UB ngày 29/9/1989 diện tích 130,7m² và đến ngày 04/5/2009 UBND quận Thủ Đức cấp giấy chứng nhận cho ông Lợi 110,4m² đất ở; nay gia đình bà Lưu Bích L (con của ông L, bà U) đang sử dụng diện tích đất thực tế là 160,6m². Nhà đất còn lại gia đình ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L đang quản lý, sử dụng kinh doanh cây cảnh.

[4]. Cụ Ph (chết ngày 05/8/1987) và cụ Điệp (chết ngày 24/5/2011), hai cụ sống chung từ năm 1937, có 07 con chung: Ông Lâm Minh Q sinh năm 1940, bà Lâm Thị Ngọc B sinh năm 1942, ông Lâm Minh Ch sinh năm 1945, ông Lâm Minh D sinh năm 1949, ông Lâm Minh H sinh năm 1951, bà Lâm Thị Ngọc L sinh năm 1956 và ông Lâm Minh A sinh năm 1960. Ngoài ra, cụ Ph còn có một con riêng là ông Lâm Minh C, sinh năm 1941; được cụ Ph đăng ký khai sinh tại Tòa Hòa giải Sài Gòn số 315, quyển số 3968 ngày 10/5/1950, ghi tên cha là cụ Lâm Minh Ph, tên mẹ là cụ Nguyễn Thị L (ông C chết ngày 28/02/2010 không vợ con và mẹ là cụ L chết ngày 07/9/2000). Căn cứ Điều 1 Luật Hôn nhân Gia đình năm 1987; Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TADN TC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, hôn nhân của cụ Ph và cụ Đ là hôn nhân hợp pháp.

[5]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L đề nghị công nhận cụ Nguyễn Thị L là vợ thứ hai của cụ Ph thì thấy: Cụ Ph và cụ L có một con chung là ông Lâm Minh C, sinh năm 1941; nhưng cụ Ph và cụ L không chung sống như vợ chồng, chỉ sau khi cụ Ph chết ngày 05/8/1987 và cụ Đ xuất cảnh sang Mỹ năm 1988; đến ngày 02/5/1989 cụ L mới nhập hộ khẩu vào nhà 120 Đặng Văn B, phường Bình Th, quận Thủ Đức và đến năm 2010 xóa hộ khẩu do chết (BL: 1577). Mặt khác, theo Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì cụ Ph không thuộc trường hợp cán bộ Miền Nam tập kết ra Miền Bắc, nên cụ Ph không thuộc đối tượng để được áp dụng công nhận cụ L là vợ thứ hai. Hơn nữa, tại Chúc thư bất động sản lập ngày 01/5/1985 cụ Ph cũng xác định cụ L và bà Ng là hai người làm công, ăn lương (chức vụ gia trưởng và quản gia) và tại Bản án số 482/DS-PT ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (đã có hiệu lực pháp luật), khi giải quyết tranh chấp di sản khác của cụ Ph cũng không công nhận cụ L và cụ Ph là vợ chồng, không công nhận bà Ng là con nuôi của cụ Ph. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận cụ L là vợ thứ hai của cụ Ph và bác đơn phản tố của ông Hậu yêu cầu xác định di sản trên là của cụ Ph, cụ Đ và cụ L là đúng pháp luật nên kháng cáo của ông H, bà L yêu cầu chia cho cụ L 1/3 di sản trên và được nhận, quản lý những đồ thờ cúng của cụ Ph là không có cơ sở.

[6]. Xét “Chức thư bất động sản (di chúc mới)” do cụ Lâm Minh Ph và cụ Võ Ngọc Đ lập ngày 01/5/1985. Di chúc được đánh máy, có nội dung như sau:

... Đồng ý di chúc toàn bộ tài sản nhà và đất tại địa chỉ trên cho con trai là ông Lâm Minh Q;

+ Đồng ý theo đơn xin của bà Nguyễn Thị Ng và ông Hai Th (Phạm Văn X) là người làm công, giúp việc cho gia đình ông Ph, mỗi người 100m² để làm nhà ở tại địa chỉ trên;

+ Giữ nguyên diện tích trang viên để chôn cất người thân trong gia tộc, đồng ý cho bà L khi chết được phép chôn cất tại trang viên;

+ Đồng ý theo đơn của bà L và bà Ng được phép thuê nhà và kinh doanh cây cảnh phần đất tại mặt tiền nhà, số tiền thu được từ việc cho thuê dùng để chi phí sinh hoạt gia đình và nộp các khoản thuế;

+ Trường hợp có chính sách mới như kê khai điền thổ, thu thuế thổ trạch, lập bằng khoán công nhận quyền sử dụng nhà đất, sẽ do ông Lâm Minh Q thực hiện, nếu ông Q bận công tác thì bà L và bà Ng (là hai người làm công, ăn lương, chức vụ gia trưởng và quản gia) được phép thay mặt gia đình thực hiện, nhưng thủ tục pháp lý thuộc về ông Lâm Minh Q... ” “...Riêng các con khác đã được cha mẹ nuôi dưỡng và ăn học thành tài không thuộc phạm vi di chúc này... ”.

Như vậy, nội dung “Chức thư bất động sản (di chúc mới)” do cụ Ph lập đã xem xét và quyết định nhiều nội dung có liên quan trong di chúc, như để lại tài sản cho người thừa kế, giải quyết quyền lợi cho người làm công, ăn lương và người gia trưởng, quản gia làm việc trong gia đình...; đều đó thể hiện cụ Ph tự nguyện lập trong khi minh mẫn, không bị lừa dối và không trái với quy định của pháp luật. Hơn nữa, theo Kết luận giám định số 2692/KL-KTHS ngày 14/4/2023 của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*Chữ ký đứng tên ông Lâm Minh Ph dưới mục “Người lập chức thư” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Lâm Minh Ph trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký ra*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định “Chức thư bất động sản (di chúc mới)” do cụ Ph lập ngày 01/5/1985 hợp pháp, phù hợp Điều 17 Pháp lệnh thừa kế số 44-LCT/HĐNN8 ngày 10/9/1990 của Hội đồng Nhà nước nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là có cơ sở.

Do đó, kháng cáo của ông Cao Minh Tr và ông Lâm Minh H là người đại diện cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều cho rằng “Chức thư bất động sản (di chúc mới)” không do cụ Ph, cụ Đ viết nên không phù hợp với Điều 17 Pháp lệnh thừa kế, nên không có giá trị là không có cơ sở. Bởi vì, theo quy định tại Điều 17 Pháp lệnh thừa kế “*Di chúc viết không có chứng*

thực, xác nhận như quy định tại các Điều 14,15,16 của Pháp lệnh này chỉ được coi là di chúc hợp pháp, nếu đúng là do người để lại di sản tự nguyện lập trong khi minh mẫn, không bị lừa dối và không trái với quy định của pháp luật”, nên “Chúc thư bất động sản (di chúc mới)” do cụ Ph lập ngày 01/5/1985 là hợp pháp. Tại cấp sơ thẩm ông Diệm cung cấp “Tờ di chúc” do cụ Diệm lập ngày 11/6/2007, được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 27/5/2015 của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Hoa Kỳ và lập sau “Chúc thư bất động sản (di chúc mới)” ngày 01/5/1985 nên “Tờ di chúc” do cụ Đ lập có hiệu lực thay thế; vì vậy, không cần thiết phải trưng cầu giám định chữ ký của cụ Đ là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận “Chúc thư bất động sản (di chúc mới)” ngày 01/5/1985 có hiệu lực đối với di sản của cụ Ph và được chia theo di chúc của cụ Ph; di sản của cụ Diệm và kỹ phần cụ Đ được hưởng của cụ Ph được chia theo “Tờ di chúc” do cụ Đ lập ngày 11/6/2007 là có cơ sở.

[7]. Đối chiếu nội dung “Chúc thư bất động sản (di chúc mới)” thì cụ Ph *Giữ nguyên diện tích Trang viên để chôn cất người thân trong gia tộc* nhưng không ghi rõ diện tích bao nhiêu; hiện nay tại Trang viên chỉ có 06 ngôi mộ, trong đó có 01 ngôi mộ đôi, 04 ngôi mộ đơn, trên diện tích 513m² có lối đi riêng vào khu mộ; Trang viên này do cụ Phương tự lập, đến nay cũng không phù hợp với quy hoạch của địa phương, nên ông Tr và ông H yêu cầu để lại diện tích 868m² để làm Trang viên chôn cất người thân trong gia tộc là không phù hợp, nên kháng cáo nội dung này của ông D và ông H không được chấp nhận. Trang viên chôn cất các ngôi mộ, những người thừa kế của cụ Ph và cụ Đ được quyền quản lý, tu bổ hoặc cử người đại diện quản lý.

Theo Chúc thư cụ Ph tặng cho gia đình ông Hai T (tức ông Phạm Văn X) là người làm công diện tích 100m² và Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết thêm 100m² do gia đình của bà Lâm Thị B (vợ của ông Hai Th), vì có nhiều thế hệ ở trên đất là phù hợp, nên kháng cáo của bà Bôi yêu cầu sử dụng tổng diện tích 245m² và giải quyết con đường đi riêng là không có cơ sở, không được chấp nhận.

Theo Chúc thư cụ L chỉ được cho chôn cất tại Trang viên sau nhà của dòng tộc sau khi chết, nhưng Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét công sức làm gia trưởng và có thời gian quản lý, gìn giữ tài sản nên đã tính công sức cho cụ L 150m²; bà Ng làm quản gia được tặng cho 100m² đất ở, Tòa cấp sơ thẩm xem xét công sức gia đình bà Ng trong việc quản lý toàn bộ khu đất, thờ cúng, chăm lo mồ mả, nộp thuế, kê khai đăng ký đất, nhưng gia đình bà Ng cũng đã được hưởng hoa lợi từ việc khai thác kinh doanh, nhận lợi tức trên đất, bà Nga còn được nhận tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất để mở đường và tính công sức thêm cho gia đình bà Ng 250m², tổng cộng 350m² đất là phù hợp với Chúc thư và công sức của gia đình bà Ng (nay ông H, bà L là người thừa kế được hưởng) là bảo đảm quyền lợi của cụ L và bà Ng theo quy định tại khoản 4 Điều

23 Nghị quyết 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội là phù hợp. Do đó, kháng cáo của ông H, bà L yêu cầu được sử dụng toàn bộ nhà đất bà Ng đã kê khai đăng ký là không phù hợp.

Trường hợp ông Phan Văn Đ chỉ là người làm công, trả lương và cho ở nhờ, trong Chúc thư cụ Ph không tặng cho đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thấy gia đình của ông Đ ở trên đất một thời gia dài, nhiều thế hệ nên giải quyết cho giá trị 100m² là đảm bảo quyền lợi của gia đình ông Đ và gia đình ông Đ không kháng cáo là phù hợp.

Từ phân tích trên, thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận di chúc của cụ Ph, giải quyết công sức quản lý, gìn giữ tôn tạo đất và có thời gian dài ở trên đất của gia đình những người làm thuê, quản gia, gia trưởng giúp việc cho cụ Lâm Minh Ph là phù hợp với công sức của họ; vì vậy, kháng cáo của ông Q yêu cầu giảm 50% phần thừa kế và chia công sức quản lý, gìn giữ của những người ở trên đất là không phù hợp, nên không chấp nhận.

[8]. Xét kháng cáo của bà Lưu Bích L là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ứ yêu cầu công nhận quyền sở hữu nhà đất theo Giấy CNQSHN ở, QSDĐ số 1814/2009/GCN ngày 04/05/2009: Như phân tích trên thì cụ Ph và cụ L không phải là vợ chồng; nhà đất trên không thuộc quyền sở hữu của cụ L, nhưng cụ L đã chuyển nhượng cho ông Lưu Văn L, bà Trần Ứ theo Giấy phép mua bán chuyển dịch nhà số 983/GP-UB ngày 29/9/1989 của UBND huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh công nhận 130,7m² và ngày 04/5/2009 UBND huyện Thủ Đức đã cấp Giấy chứng nhận số 1814/2009/GCN cho ông Lưu Văn L, bà Trần Ứ với diện tích 110,4m² là không đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy Giấy phép mua bán chuyển dịch nhà số 983/GP-UB ngày 29/9/1989 và Giấy chứng nhận số 1814/2009/GCN cho ông L, bà Ứ và xác định lỗi hoàn toàn do cụ L nên gia đình ông L, bà Ứ được nhận lại giá trị 130,7m² theo Giấy phép mua bán chuyển dịch nhà số 983/GP-UB ngày 29/9/1989 của UBND huyện Thủ Đức từ phần đất cụ L được chia công sức là phù hợp.

[9]. Di sản của cụ Ph, cụ Đ sau khi trừ phần đất dùng làm thổ mộ 513m², tính công sức gìn giữ đất và cho người ở trên đất 600m², còn lại là $[4.604\text{m}^2 - (513\text{m}^2 + 600\text{m}^2)] : 2 = 1.745,5\text{m}^2$. Di sản của cụ Ph được chia theo “Chức thư bất động sản (di chúc mới)” ngày 01/5/1985; theo khoản 1, khoản 2 Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ Điệp là người được hưởng thừa kế của cụ Ph không phụ thuộc vào Chúc thư là: $1.745,5\text{m}^2 : 9 \times 2/3 = 129,29\text{m}^2$. Phần còn lại $1.745,5\text{m}^2 - 129,29\text{m}^2 = 1.616,21\text{m}^2$ được chia theo Chúc thư. Theo Chúc thư, cụ Ph cho bà Ng 100m², cho gia đình ông Hai Th 100m². Phần còn lại là 1.416,21m² ông Q được hưởng. Di sản của cụ Điệp là 1.874,79m² ($1745,5\text{m}^2 + 129,29\text{m}^2$) được chia theo Di chúc ngày 11/6/2007. Ông C là người có tên được hưởng trong Di chúc nhưng cũng đã chết trước cụ Đ. Theo trả lời xác minh số

2836/TATP-TDS ngày 31/5/2016, Công an Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thi ông C “không có vợ con trước khi chết” (BL318) và mẹ của ông Cảnh là cụ L đã chết trước ông C. Mặc dù, ông Nguyễn Văn H có xuất trình kết quả ADN ngày 11/01/2021 giữa ông và ông Lâm Minh Q có kết luận “có cùng huyết thống dòng cha” để cho rằng ông là con của ông Lâm Minh C; Giấy khai sinh của ông H do UBND phường Phước L, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/8/1975 có tên mẹ là Nguyễn Thị Ng, không có tên cha. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định kết quả giám định và các tài liệu khác muốn xác định ông Hậu có phải là con của ông C hay không, phải được quyết định bằng một bản án có hiệu lực pháp luật xác nhận cha cho con là có căn cứ. Do đó, ông H chưa đủ cơ sở xác định là con của ông C, nên di sản của cụ Đ được chia cho 7 người con còn lại theo Di chúc, mỗi người được hưởng kỷ phần là $267,82\text{m}^2$ ($1.874,79\text{m}^2 : 7$). Từ đó, ông Q được hưởng $1.684,03\text{m}^2$ ($1.416,21\text{m}^2 + 267,82\text{m}^2$); bà B, ông Ch, ông D, ông H, bà L, ông Á mỗi người được hưởng kỷ phần $267,82\text{m}^2$;

[10]. Theo Chúc thư cụ Ph tặng cho bà Ng và ông Hai Th mỗi người 100m^2 nhà đất ở, tại địa chỉ này nhưng không chỉ rõ địa chỉ cụ thể, hiện nay những người ở trên đất nhiều vị trí khác nhau, nếu chia theo hiện hữu họ đang sinh sống thì không phù hợp với nội dung Chúc thư; hơn nữa ảnh hưởng đến giá trị thửa đất và tại phiên tòa ông H, bà L và người đại diện cho gia đình những người ở trên đất đều không đồng ý chia lại đất, ông H và bà L cũng xác nhận không có khả năng nhận nhà đất để hoàn trả tiền cho những người khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tính giá trị quyền sử dụng nhà đất để hoàn trả cho người ở trên đất, để họ mua nơi ở mới cũng bảo đảm quyền lợi của những người ở trên đất. Đối với bà Bích, ông Ch, ông D, ông H, bà L, ông Á hiện đang sinh sống tại nước ngoài; trong đó chỉ có ông Ch, ông H có quốc tịch tại Việt Nam và có nơi ở tại Việt Nam. Trong khi đó, ông Q đang sinh sống tại Việt Nam, là người được nhận phần thừa kế nhiều nhất $1.684,03\text{m}^2$ và ông Q có nguyện vọng nhận toàn bộ nhà đất trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho ông Q được nhận toàn bộ tài sản thừa kế, hoàn tiền cho những người đang cư trú trên đất và cho các đồng thừa kế khác là phù hợp.

[11]. Tại cấp phúc thẩm ông Q chết, bà Trần Thị D cung cấp Di chúc đứng tên ông Lâm Minh Q lập ngày 12/9/2023, nội dung của Di chúc “...ông Q để lại toàn bộ phần di sản là quyền sử dụng đất ông Q được nhận thừa kế theo các bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật cho bà Trần Thị D thừa kế” nên không ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm; tại phiên tòa người thừa kế theo pháp luật và người thừa kế theo Di chúc của ông Q đều có yêu cầu thay ông Q thực hiện quyền và nghĩa vụ hoàn tiền cho những người đang cư trú trên đất và cho các đồng thừa kế khác; nay bà Lâm Ngọc A đã khởi kiện hủy di chúc của ông Q, khi được pháp luật công nhận ai là người thừa kế hợp pháp di sản của ông Q thì có

nghĩa vụ hoàn trả tiền là phù hợp và đảm bảo cho công tác thi hành án. Theo Chứng thư thẩm định số 002862/2023/CT.Vaska ngày 10/4/2023 của Công ty TNHH tư vấn và thẩm định Vaska đã xác định về giá trị đất, giá trị công trình xây dựng trên đất và giá trị cây trồng; do người ở quản lý nhà đất đã sửa chữa nhà nhiều lần và xây dựng thêm, nên Tòa án cấp sơ thẩm tính giá trị nhà đất và buộc ông Q (nay là người thừa kế di sản của ông Q theo pháp luật hoặc theo di chúc khi pháp luật công nhận) hoàn tiền cho những người đang cư trú trên đất và cho các đồng thừa kế khác là phù hợp. Cụ thể:

1. Ông Nguyễn Văn H: Giá trị công trình xây dựng trên đất: 667.098.440 đồng; giá trị cây trồng: 20.659.094 đồng; giá trị đất: $184,65\text{m}^2 \times 87.237.000 \text{ đồng/m}^2 = 16.108.312.050 \text{ đồng}$. Tổng cộng: 16.796.069.584 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị L: Giá trị công trình xây dựng trên đất: 197.477.553 đồng; giá trị đất: $184,65\text{m}^2 \times 87.237.000 \text{ đồng/m}^2 = 16.108.312.050 \text{ đồng}$. Tổng cộng: 16.305.789.603 đồng.

3. Các đồng thừa kế của bà Lê Thị C: Giá trị công trình xây dựng trên đất: 165.431.364 đồng; giá trị cây trồng: 851.721 đồng; giá trị đất: $100\text{m}^2 \times 87.237.000 \text{ đồng/m}^2 = 8.723.700.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng: 8.889.983.085 đồng.

4. Các đồng thừa kế của ông Phạm Văn X và bà Lâm Thị B: Giá trị công trình xây dựng trên đất: 421.012.545 đồng; giá trị cây trồng: 3.466.884 đồng; giá trị đất: $200\text{m}^2 \times 87.237.000 \text{ đồng/m}^2 = 17.447.400.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng: 17.871.879.429 đồng.

5. Bà Trần U và các đồng thừa kế của ông Lưu Văn L: Giá trị công trình xây dựng: 309.226.995 đồng; giá trị đất: $130,7\text{m}^2 \times 87.237.000 \text{ đồng/m}^2 = 11.401.875.900 \text{ đồng}$. Tổng cộng: 11.711.102.895 đồng.

6. Các ông bà Lâm Thị Ngọc B, Lâm Minh Ch, Lâm Minh D, Lâm Minh H, Lâm Thị Ngọc L, Lâm Minh A mỗi người được nhận: $267,82\text{m}^2 \times 87.237.000 \text{ đồng/m}^2 = 23.363.813.340 \text{ đồng}$.

Người thừa kế hợp pháp di sản của ông Q, sau khi hoàn đủ tiền cho các đương sự trên thì được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu phần nhà đất trên.

[12]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[13]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí; riêng những người cao tuổi thì được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14]. Từ phân tích trên thì lời trình bày của các luật sư bảo vệ quyền lợi cho người kháng cáo, của người kháng cáo không phù hợp với nhận định của Hội

đồng xét xử; đồng thời người kháng cáo cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Bác toàn bộ đơn kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm nhưng sửa cách tuyên giao tài sản cho người được pháp luật công nhận là người thừa kế hợp pháp di sản của ông Q hoàn trả giá trị cho những người ở trên đất và các đồng thừa kế khác, nhằm đảm bảo cho công tác thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phan Thị Thanh H, ông Huỳnh Nguyên H là người đại diện theo ủy quyền ông Lâm Minh Q; ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L; ông Cao Minh Tr là người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Minh D; ông Lâm Minh H; ông Trần Trung K là người đại diện theo ủy quyền của gia đình bà Lâm Thị B; bà Lưu Bích L là người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Trần U, Lưu Hồng Ph, Lưu Bích V, Lê Hải Tr, Lưu Quế Th, Lưu Vinh P, Nguyễn Kim Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 960/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng chỉ sửa cách tuyên để đảm bảo cho công tác thi hành án như sau:

Căn cứ khoản 3 và khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 và khoản 2 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 166, Điều 612, Điều 613, Điều 617, Điều 618, Điều 624, Điều 659 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ khoản 4 Điều 23 Nghị quyết 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng Điều 17 Pháp lệnh thừa kế số 44-LCT/HĐNN8 ngày 10/9/1990; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Minh Q.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L về việc tính công sức cho những người quản lý, sử dụng đất. Không chấp nhận những yêu cầu phản tố còn lại.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lâm Minh H với tư cách cá nhân và tư cách đại diện theo uỷ quyền của các ông bà Lâm Thị Ngọc B, Lâm Minh Ch, Lâm Thị Ngọc L, Lâm Minh A về việc chia thừa kế của bà Võ Ngọc Đ theo di chúc; yêu cầu hoàn trả đồ thờ cúng cho các đồng thừa kế; yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 1814/2009/GCN ngày 04/5/2009 do Uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lưu Văn L và bà Trần U; yêu cầu không công nhận bà Nguyễn Thị L là vợ hợp pháp của ông Lâm Minh Ph. Không chấp nhận những yêu cầu độc lập còn lại.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lâm Thị B và các đồng thừa kế của ông Phạm Văn X; yêu cầu độc lập của các đồng thừa kế của bà Lê Thị C; yêu cầu độc lập của bà Trần Ung và các đồng thừa kế của ông Lưu Văn L về việc công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đang sử dụng.

5. Huỷ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 1814/2009/GCN ngày 04/5/2009 do Uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lưu Văn L và bà Trần U do giao dịch chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lưu Văn L, bà Trần U vô hiệu.

6. Xác định nhà đất tọa lạc tại số 120, 120A, 122, 124, 126 Đặng Văn B, phường Bình Th, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo tờ bản đồ số 30, Bộ địa chính, phường Bình Th, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tổng diện tích là 4.604m² theo bản vẽ của Công ty TNHH khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông T là di sản của cụ Lâm Minh Ph và cụ Võ Ngọc Đ. Không giải quyết chia thừa kế phần diện tích thổ mộ 513m², phần diện tích đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của các đồng thừa kế của cụ Lâm Minh Ph và cụ Võ Ngọc Đ. Tổng diện tích còn lại 4.091m² là di sản của cụ Lâm Minh Ph và cụ Võ Thị Đ được chia thừa kế.

7. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lâm Minh Ph tại thời điểm mở thừa kế gồm: Cụ Võ Ngọc Đ, ông Lâm Minh Q, bà Lâm Thị Ngọc B, ông Lâm Minh Ch, ông Lâm Minh D, ông Lâm Minh H, bà Lâm Thị Ngọc L, ông Lâm Minh A, ông Lâm Minh C.

8. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Võ Ngọc Đ tại thời điểm mở thừa kế gồm: Ông Lâm Minh Q, bà Lâm Thị Ngọc B, ông Lâm Minh Ch, ông Lâm Minh D, ông Lâm Minh H và Lâm Thị Ngọc L, ông Lâm Minh A.

9. Xác định di sản của cụ Lâm Minh Ph được chia theo “Chức thư bất động sản (Di chúc mới) lập ngày 01/5/1985. Xác định di sản của cụ Võ Ngọc Đ được chia theo di chúc lập ngày 11/6/2007 đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 27/5/2015 tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Hoa Kỳ.

10. Người thừa kế theo pháp luật hoặc theo di chúc của ông Lâm Minh Q, khi được pháp luật công nhận là người thừa kế hợp pháp di sản của ông Lâm Minh Q được nhận phần thừa kế quyền sử dụng đất tại khu 2, có diện tích 1.684,03m², có nghĩa vụ hoàn tiền cho các đồng thừa kế và những người cư trú trên đất, cụ thể:

10.1. Bà Lâm Thị Ngọc B, ông Lâm Minh Ch, ông Lâm Minh D, ông Lâm Minh H, bà Lâm Thị Ngọc L, ông Lâm Minh A mỗi người 23.363.813.340 đồng.

10.2. Ông Nguyễn Văn H: 16.796.069.584 đồng.

10.3. Bà Nguyễn Thị L: 16.305.789.603 đồng.

10.4. Các đồng thừa kế của bà Lê Thị Ch: 8.889.983.085 đồng.

10.5. Các đồng thừa kế của bà Lâm Thị B và ông Phạm Văn X: 17.871.879.429 đồng.

10.6. Bà Trần U và các đồng thừa kế của ông Lưu Văn L: 11.711.102.895 đồng.

10.7. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn tiền, người thừa kế hợp pháp di sản của ông Lâm Minh Q được trọn quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà, đất tại số 120, 120A, 122, 124, 126 Đặng Văn B, phường Bình T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc tờ bản đồ số 30, Bộ địa chính, phường Bình Th, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 4.091m² có tọa độ xác định tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 22, 23, 24, 25, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 theo Bản đồ hiện trạng vị trí, xác định ranh của Công ty TNHH Khảo sát thiết kế đo đạc Nam Sông T lập ngày 01/4/2023, được tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và có nghĩa vụ chấp hành các đề án quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền đối với khu đất trên.

11. Những người cư trú trên đất có nghĩa vụ phải di dời, giao trả nhà, đất cho người thừa kế di sản của ông Lâm Minh Q được pháp luật công nhận, sau khi nhận đủ tiền.

12. Buộc ông Nguyễn Văn H hoàn trả ông Lâm Minh H những đồ thờ cúng đang để trong căn nhà 120 Đặng Văn B gồm: 01 bàn thờ cao khảm xà cừ; 01 bàn thờ thấp khảm xà cừ; 01 bộ lư hương kim loại màu vàng; 01 chân đế để đĩa trái cây bằng gỗ; 01 cái lư hương để đốt trầm bằng kim loại màu đen. Ông Lâm Minh H được quản lý, sử dụng những vật dụng trên. Tranh chấp giữa ông Lâm Minh H với bà Lâm Thị Ngọc B, ông Lâm Minh Ch, ông Lâm Minh Q, ông Lâm Minh D, bà Lâm Thị Ngọc L, ông Lâm Minh A về những vật dụng trên nếu có sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

13. Tranh chấp số tiền giá trị tính công sức, số tiền hoàn trả giá trị công

trình xây dựng trên đất, giá trị cây trồng giữa các đồng thừa kế của bà Lê Thị Ch; giữa các đồng thừa kế của bà Lâm Thị B và ông Phạm Văn X; giữa bà Trần U' và các đồng thừa kế của ông Lưu Văn L nếu có sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

14. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu đã nộp xong.

15. Về án phí dân sự sơ thẩm:

15.1. Miễn án phí cho ông Lâm Minh Q, ông Lâm Minh H, bà Lâm Thị Ngọc B, ông Lâm Minh Ch, ông Lâm Minh D, bà Lâm Thị Ngọc L, ông Lâm Minh A, bà Lâm Thị B, bà Trần U', ông Đinh Trần Th.

15.2. Ông Nguyễn Văn H phải chịu 184.651.621 đồng nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2017/0049719 ngày 18/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn H còn phải nộp 184.351.621 đồng.

15.3. Bà Nguyễn Thị L phải chịu 184.161.341 đồng.

15.4. Các đồng thừa kế của bà Lê Thị Ch là ông Đinh Trần Lê Ph, ông Đinh Trần Lê Ph phải chịu 77.926.655 đồng.

15.5. Các đồng thừa kế của bà Lâm Thị B và ông Phạm Văn X phải chịu 62.935.939 đồng.

15.6. Hoàn trả cho ông Lâm Minh Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 63.000.000 đồng theo Biên lai số 06898 ngày 14/5/2014 và 300.000 đồng theo Biên lai số 0046040 ngày 17/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

15.7. Hoàn trả cho ông Lâm Minh H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0025920 ngày 19/6/2019; 300.000 đồng theo Biên lai số 0015037 ngày 15/3/2019 và 300.000 đồng theo Biên lai số 0044921 ngày 22/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

17. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người thừa kế di sản của ông Lâm Minh Q khi được pháp luật công nhận không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

19. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lâm Minh Q, ông Lâm Minh D, ông Lâm Minh H, bà Lâm Thị B được miễn.

Bà Lưu Bích L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001806 ngày 24/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ.

Bà Lưu Hồng Ph phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001805 ngày 24/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh. Bà Ph đã nộp đủ.

Bà Lưu Phước H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001804 ngày 24/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ.

Bà Lưu Bích V phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001803 ngày 24/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ.

Ông Lê Hải Tr phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001802 ngày 24/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh. Ông Tr đã nộp đủ.

Bà Lưu Quế Th phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001801 ngày 24/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh. Bà Th đã nộp đủ.

Ông Lưu Vinh Ph phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001800 ngày 24/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh. Ông Phát đã nộp đủ.

Bà Nguyễn Kim Th phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001799 ngày 24/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh. Bà Thúy đã nộp đủ.

Ông Phạm Tín Ng phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001879 ngày 04/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh. Ông Ng đã nộp đủ.

Ông Lâm Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001878 ngày 04/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001797 ngày 21/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001796 ngày 21/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THÀNH VIÊN
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh - Nguyễn Văn Minh

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý